

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/DS-PT

Ngày: 12/9/2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ký

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 144/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hàng G, xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 3, xã Tam A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2020), (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965, (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hàng G, xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Hàng G, xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Phan Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp Hàng G, xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hàng G, xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1947, (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hàng G, xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1952, (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình C, xã Tân A, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, bản tự khai ngày 10/4/2019 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Ngô Thị M trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 331,1m², thửa 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, huyện Long Thành, được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1), theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 2261/2021 ngày 23/02/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-Chi nhánh Long Thành: Trước năm 1975 là lò đốt than của ông Hai T (đã chết). Sau đó, lò than không còn hoạt động nữa nên đất bỏ hoang. Từ nhỏ, ông T sinh sống cùng bà Ngô Thị T (bà ngoại) ở phần đất hiện nay ông S đang quản lý, sử dụng. Khi đó, ông T thấy phần đất lò than bỏ hoang không ai quản lý, sử dụng. Đến năm 1989, ông T lập gia đình nhưng vẫn sinh sống cùng với bà T. Đến năm 1990, vợ chồng ông T ra ở riêng, do thời điểm đó vợ chồng ông không có đất ở và đất sản xuất nên vợ chồng ông T lên khu vực đất lò than bỏ hoang để khai phá và cất 01 căn nhà tôn, cột bằng cây để ở, sinh sống. Thời điểm vợ chồng ông T khai phá thì có những người ở khu vực đó như ông Trương Văn M, ông Trần Văn T, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D đều biết. Sau khi khai phá, vợ chồng ông T trực tiếp quản lý, sử dụng và có trồng một số cây như me, tràm, na, dừa... hiện vẫn còn. Thời điểm vợ chồng ông T khai phá đất lò than, ông S sinh sống ở xã Bình S, huyện Long Thành. Đến khoảng năm 1995, không biết lý do gì bà T không ở trong căn nhà xây dựng trước và để lại cho vợ chồng ông S ở quản lý, bà T cùng với một người em ra cất một căn nhà lá trên phần đất của ông S hiện nay để ở. Khoảng năm 2000, Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện Long Thành thấy hoàn cảnh của bà T neo đơn, nhà xuống cấp nên mới xây dựng cho bà T 01 căn nhà tình nghĩa. Khi đó, bà T có gặp vợ chồng ông T để nói việc xây dựng căn nhà tình nghĩa trên phần đất do vợ chồng ông T khai phá, vợ chồng ông T đồng ý. Hiện

tại, căn nhà tình nghĩa được xây dựng trên thửa đất số 765, tờ bản đồ số 6, xã Lộc A, huyện Long Thành do vợ chồng ông T khai phá và trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1990. Thời điểm kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết toàn bộ thửa 765 nhưng không biết vì lý do gì năm 2016, vợ chồng ông T đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 242, tờ bản đồ số 24, xã Lộc A, huyện Long Thành diện tích 596,2m² là một phần của thửa đất số 765, tờ bản đồ số 6 xã Lộc A. Phần diện tích còn lại của thửa 765 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vợ chồng ông T bận công việc làm ăn nên cũng không kiểm tra lại diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đúng với diện tích thực tế mà ông T đã kê khai và quản lý, sử dụng hay không. Phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 331,1m² thửa 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, huyện Long Thành hiện đang tranh chấp là một phần diện tích của thửa 765, tờ bản đồ số 6 (tài liệu năm 1994) xã Lộc A, huyện Long Thành. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng năm 2014 khi ông đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 765: sau khi đo thửa đất số 242, do thửa 2b có đường ống nước của Nhà máy nước Thiện Tân đi ngang qua đất nên cán bộ đo vẽ nói thửa đất này để lại xin cấp sau.

Nay, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích 331,1m², thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là của vợ chồng ông và yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho ông T phần diện tích đất trên.

Đối với căn nhà tình nghĩa xây dựng trên đất, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa ông T và ông S sẽ tự giải quyết với nhau.

+ **Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:** Phần đất hiện đang tranh chấp diện tích 331,1m², thửa 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, huyện Long Thành có nguồn gốc: Khoảng năm 1997 do bà Ngô Thị T (bà nội của ông) là mẹ liệt sỹ đang sinh sống trong ngôi nhà đã xuống cấp nên Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện Long Thành hỗ trợ xây dựng cho bà T 01 căn nhà tình nghĩa. Do phần đất cũ của bà T (phần đất hiện nay ông đang quản lý, sử dụng) thường xuyên bị ngập lụt nên bà T mới đề nghị Ủy ban nhân dân xã Lộc A cho xây nhà tình nghĩa phía trên đầu đất của bà nội ông, cụ thể là phần đất lò đốt than bỏ hoang. Thời điểm năm 1997, gia đình ông T đang sống trong ngôi nhà cây trên phần đất của bà T. Sau khi xây dựng nhà tình nghĩa xong thì ông T mới theo bà T ra xây dựng một căn nhà cây sát vách với nhà tình nghĩa để ở. Việc ông T khai vợ chồng ông T khai phá phần đất đang tranh chấp từ năm 1990 là không đúng. Ông xác định phần diện tích đất đang tranh chấp là của ông, thỉnh

thoảng ông có xịt thuốc cỏ và đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được xét cấp.

Do cha của ông là liệt sỹ nên bà T (mẹ liệt sỹ) mới được Ủy ban nhân dân xã Lộc A xây dựng cho 01 căn nhà tình nghĩa. Từ năm 1997 đến năm 2001, bà Ngô Thị T là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Đến năm 2002 thì bà T chết, từ năm 2002 đến nay ông là người quản lý, sử dụng.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại cho ông T phần đất diện tích 331,1m² thuộc thửa số 2b, tờ bản đồ số 29, ông không đồng ý.

Đối với căn nhà tình nghĩa trên đất, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa ông và ông T sẽ tự giải quyết với nhau.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thanh trình bày: Bà là vợ của ông Ngô Văn T, vợ chồng bà kết hôn với nhau vào năm 1989. Đến năm 1990, vợ chồng bà lên khu đất lò than bỏ hoang để khai phá và cất 01 căn nhà tôn, cột bằng cây để ở và trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 1990 cho đến nay, trên đất có trồng một số cây như: Me, trà, na, dứa.

Đến khoảng năm 2000, thấy hoàn cảnh của bà T neo đơn, nhà hư hỏng nên Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện Long Thành mới cấp cho bà T 01 căn nhà tình nghĩa được xây dựng trên phần đất của vợ chồng bà là thửa 765, tờ bản đồ số 6 xã Lộc A, huyện Long Thành. Thửa đất trên vợ chồng bà đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 596,2m², thửa số 242, tờ bản đồ số 24 xã Lộc A, huyện Long Thành, phần diện tích còn lại của thửa 765, tờ bản đồ số 6 xã Lộc A, huyện Long Thành chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vợ chồng bà vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng. Diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, diện tích 331,1m². Do ông S đến chiếm, thỉnh thoảng ông S có xịt thuốc cỏ trên phần đất của vợ chồng bà nên dẫn đến tranh chấp. Bà đồng ý với ý kiến của ông T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thửa 2b, tờ bản đồ số 29, xã Lộc A, diện tích 331,1m² cho vợ chồng bà và yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho vợ chồng bà diện tích 331,1m², thửa số 2b, tờ bản đồ số 29, xã Lộc A, huyện Long Thành.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày: Bà ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng trong vụ án, ý kiến của ông S là ý kiến của bà T.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Ngô Thị L trình bày: Ông Ngô Văn T và ông Nguyễn Văn S hiện đang tranh chấp phần đất diện tích 331,1 m², thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, huyện Long

Thành. Nguồn gốc đất ông, bà xác định là trước năm 1975 ông Hai T (không rõ họ, năm sinh đã chết) đến sử dụng làm lò than, được một thời gian thì không sử dụng nữa nên đất bỏ hoang. Do, ông T không có chỗ ở nên khoảng năm 1990, ông T đến khai khẩn lại khu đất lò than bỏ hoang và có cất 01 căn nhà để ở, bà T sống cùng ông T trên phần đất ông T khai phá. Đến khoảng năm 2000, bà T được Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện Long Thành xây dựng cho 01 căn nhà tình nghĩa (Bà T là mẹ Liệt sỹ), ông T tháo dỡ căn nhà cũ để bà T xây dựng nhà tình nghĩa và căn nhà tình nghĩa được xây trên nền cũ nhà của ông T. Sau khi bà T chết (năm 2002), ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp. Ông và bà L xác định, căn nhà tình nghĩa là của bà T được xây dựng trên đất khu lò than bỏ hoang do vợ chồng ông Ngô Văn T khai phá, nằm ngoài phần đất của ông S đang quản lý, sử dụng. Ông và bà L không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành quyết định :

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 68, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 332 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại diện tích 68,9m².

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”.

Công nhận diện tích đất 331,1 m², thửa số 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là của ông Ngô Văn T và bà Trương Thị T. Phần đất được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1) theo trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất số 2261/2021 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

Buộc ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị T phải trả cho ông Ngô Văn T phần đất có diện tích 331,1 m²; mục đích sử dụng: ONT+CLN; có số thửa tạm thời là 2b, được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 2261/2021 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh Long Thành.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Ngô Văn T và bà Trương Thị T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2021, ông Ngô Văn S làm đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: ngoài lời khai nhận của ông T, của mẹ và cậu ruột ông T cho rằng đất tranh chấp là do ông T khai phá thì không có chứng cứ nào khác, tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là chưa đủ cơ sở pháp lý.

Từ tài liệu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mới thu thập cho thấy, từ năm 2014 UBND huyện Long Thành đã có kết luận đưa thửa đất 765 TĐĐ 6 xã Lộc A ra khỏi diện đất công và giao UBND xã Lộc A lập thủ tục xét đề nghị công nhận QSDĐ cho ông T nhưng vì sao năm 2016 ông T chỉ được cấp giấy thửa 242 (1 phần thửa 765 cũ)? Sau khi thửa 765 không còn là đất công thì quá trình quản lý sử dụng như thế nào? Vì hồ sơ còn nhiều nội dung chưa được làm rõ, cấp phúc thẩm đã xác minh thêm song chưa đủ chứng cứ để đánh giá nội dung kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm để xem xét giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Ngô Văn T tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn S thửa 2b, tờ bản đồ số 29, xã Lộc A, huyện Long

Thành với diện tích 331,1m². Ông Ngô Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận và yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải trả lại diện tích đất nói trên cho ông.

[2.1] Về nguồn gốc: Thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 29, xã Lộc A (thành lập 2014) có diện tích 331,1m² là một phần của thửa 765, tờ bản đồ số 06 (thành lập năm 1994). Theo ông T thì diện tích đất này do vợ chồng ông khai phá năm 1990 và trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, ông T đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa 765 nhưng mới được Ủy ban nhân dân huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 596,2m² thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 24 xã Lộc A, huyện Long Thành. Phần diện tích còn lại 331,1 m² thuộc thửa số 2b, tờ bản đồ số 29 xã Lộc A, huyện Long Thành chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhận được công văn số 64/UBND ngày 12/8/2022 của UBND xã Lộc A cho biết: thửa 765 trước đây là đất công do UBND xã Lộc A quản lý. Tuy nhiên, theo Thông báo số 210 ngày 10/6/2014 của UBND huyện Long Thành thì loại bỏ thửa đất trên ra khỏi danh sách quản lý đất công do xã quản lý và giao cho UBND xã Lộc A lập thủ tục xem xét đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn T đối với thửa 765, diện tích 1380m². Theo Công văn nói trên của UBND xã Lộc A thì có nhiều vấn đề cần phải làm rõ: lý do vì sao UBND huyện Long Thành loại bỏ thửa đất 765 ra khỏi danh sách quản lý đất công do xã quản lý? Căn cứ vào đâu UBND huyện Long Thành giao cho UBND xã Lộc A lập thủ tục xem xét đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn T đối với thửa 765, diện tích 1380m² và vì sao thực tế ông T chỉ đăng ký và được cấp 596,2m² thuộc thửa 242 (thuộc 1 phần thửa 765), diện tích còn lại ông Nguyễn Văn S kê khai đăng ký? Để làm rõ những vấn đề trên thì cần phải thu thập hồ sơ quản lý đất công của thửa 765 và hồ sơ loại thửa 765 ra khỏi danh sách đất công. Trong trường hợp việc loại thửa 765 ra khỏi danh sách đất công là chưa đúng quy định của pháp luật thì thửa đất trên vẫn là đất công và phải đưa Ủy ban nhân dân xã Lộc A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều xác nhận: bà T chết không để lại di chúc đối với căn nhà tình nghĩa được xây dựng trên đất, bà T có 09 người con, đã chết 07 người trong đó có ông Nguyễn Văn T: hy sinh năm 1969, ông Nguyễn Văn T có 2 người con ruột là ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị N. Như vậy, mặc dù ông T và ông S không tranh chấp với nhau căn nhà tình nghĩa trên đất. Tuy nhiên, việc giải quyết tranh chấp đất sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế theo

pháp luật của bà T đối với căn nhà trên. Do đó, cần đưa bà Võ Thị N cũng như những người thừa kế theo pháp luật khác của bà T (nếu có) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới mà cần thu thập thêm nhiều tài liệu, chứng cứ mới giải quyết được vụ án mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án Long Thành giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]Về án phí: do hủy án sơ thẩm nên ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[4]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về Án phí: các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông S 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005330 ngày 07/6/2021. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Trang